UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8902 /SXD-KCHT V/v hướng dẫn thực hiện, hồ sơ, tài liệu minh chứng các tiêu chí, chỉ tiêu thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	*Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Chi cục Phát triển nông thôn - Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 13199/SNNMT-PTNT ngày 23/10/2026 về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 158/2006/QĐ-UBND của UBND tỉnh; Qua nghiên cứu, Sở Xây dựng (*theo chức năng nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND tỉnh quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)* hướng dẫn UBND các xã thực hiện nội dung các tiêu chí và lập hồ sơ minh chứng đánh giá mức đạt tiêu chí thôn nông thôn mới thuộc lĩnh vực Sở Xây dựng phụ trách như sau:

1. Hướng dẫn thực hiện tiêu chí 1.1 và 5.2 thuộc Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND ngày 14/10/2026 quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã nghiên cứu, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và quy định của UBND tỉnh.

2. Công bố thông tin CBCC Sở Xây dựng phụ trách, hướng dẫn

Sở Xây dựng đã công bố thông tin danh sách CBCC của Sở trực tiếp phụ trách, hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Kế hoạch số 3622/KH-SXD ngày 21/5/2026 và Công văn số 5452/SXD-QHKT ngày 17/7/2026 (*có sao gửi kèm theo Công văn này*).

3. Hướng dẫn việc lập hồ sơ, tài liệu minh chứng các tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND

a) Đối với tiêu chí 1.1

a.1) Báo cáo các nội dung triển khai thực hiện tiêu chí, đánh giá tỷ lệ hoàn thành nội dung tiêu chí.

a.2) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá thực địa, đối chiếu với quy hoạch được phê duyệt đối với toàn bộ các tuyến đường thôn, ngõ, xóm và các vị trí nút giao giao thông trên địa bàn; Biên bản rà soát và ký, đóng dấu xác nhận; Số liệu báo cáo gồm:

- Danh mục các tuyến đường thôn, ngõ, xóm. Thống kê đầy đủ các tuyến đường: Điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, quy mô (Bnền, Bmặt), kết cấu mặt đường, cấp kỹ thuật của đường. Tổng số Km đường trên địa bàn.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn thôn đảm bảo kết nối liên thông, thông suốt với mạng lưới đường giao thông trên địa bàn.

- Số Km được trồng cây xanh (hoặc hoa) dọc tuyến đối với đường xã (nằm trên địa bàn thôn). Tỷ lệ (%) so với tổng số Km hiện trạng tuyến đường xã (nằm trên địa bàn thôn).

- Số Km được cứng hóa (bê tông hóa hoặc nhựa hóa) đối với đường thôn, ngõ, xóm. Tỷ lệ (%) so với tổng số Km hiện trạng các tuyến đường thôn, ngõ, xóm. Các địa phương lưu ý yêu cầu cứng hóa với đường thôn, ngõ, xóm theo tiêu chí 1.1 là bê tông hóa hoặc nhựa hóa.

- Số Km đường giao thông nông thôn hiện trạng trên địa bàn thôn được bảo trì hàng năm đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Đường bộ, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 72/2025/TT-BXD). Tỷ lệ (%) so với tổng số Km đường giao thông nông thôn hiện trạng trên địa bàn thôn.

- Các hình ảnh về kết quả đầu tư phát triển giao thông tại thôn; bình đồ tuyến (nếu có).

(Chi tiết như phụ lục kèm theo).

b) Đối với tiêu chí 5.2

b.1) Báo cáo chung kết quả tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố của thôn.

b.2) Biên bản kiểm tra việc hoàn thành tiêu chí tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí 5.2) của thôn *(Chi tiết mẫu 01 kèm theo)*.

4. Những vấn đề cần lưu ý khi trong quá trình triển khai thực hiện

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viện dẫn trong văn bản này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì

áp dụng theo các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn sửa đổi, bổ sung, thay thế.

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo Sở Xây dựng để phối hợp, hướng dẫn thực hiện hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Sở Xây dựng hướng dẫn như trên, đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- GĐ, các PGĐ Sở (M.V.Hà, N.H.Hồng, P.V.Hà);
- Các phòng: QLN&BĐS, QHKT;
- Lưu: VT, KCHT.Lâm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phạm Việt Hà

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số ...../SXD-KCHT ngày ...../.../2026 của Sở Xây dựng)

UBND XÃ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA VIỆC HOÀN THÀNH TIÊU CHÍ TỶ LỆ HỘ CÓ NHÀ Ở KIÊN CỐ (TIÊU CHÍ SỐ 5.2) CỦA THÔN

Căn cứ Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư 10/2026/TT-BXD ngày 31/3/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện một số nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ hướng dẫn số ...../HD-SXD ngày ...../10/2026 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030.

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., chúng tôi gồm có:

I. Đại diện chính quyền Thôn

1. Ông (bà):……..

2. Ông (bà):……..

II. Đại diện Ban phát triển Thôn

1. Ông (bà):……..

2. Ông (bà):……..

Đã cùng nhau kiểm tra thực tế nhà ở các hộ gia đình theo các nội dung của tiêu chí tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí 6.2). Kết quả kiểm tra như sau:

TT	Tên chủ hộ	Chất lượng nhà			Thời gian sử dụng	Đánh giá		Chữ ký của chủ hộ
		Nền - móng nhà được làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, bê tông cốt thép, gạch, đá, gạch lát, gỗ.	Khung - tường bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Trong đó, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch, đá hoặc làm từ gỗ bền chắc, kim loại.	Mái gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Trong đó, hệ thống đỡ mái được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; mái làm bằng bê tông cốt thép hoặc lợp ngói. Trường hợp mái bằng tôn lợp giả ngói, tôn lạnh, tôn cách nhiệt, tôn cán sóng và có kết cấu đỡ chắc chắn (khung sắt, thép, gỗ bền chắc) liên kết bền chặt với tường xây, cột bê tông cốt thép thì mái tôn trong trường hợp này được coi là vật liệu bền chắc.	Từ 20 năm trở lên, hiện trạng sử dụng bình thường.	Đạt	Không đạt	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Nguyễn Văn A							
2	Nguyễn Văn B							
	...							
	Cộng							

- Tổng số hộ có đăng ký thường trú trong thôn: ……hộ;

- Tổng số hộ có nhà ở kiên cố trong thôn: ……hộ;

- Tỷ lệ số hộ có nhà ở kiên cố: số hộ có nhà ở kiên cố/ số hộ có hộ khẩu thường trú trong thôn * 100=……%;

Kết luận: Thôn…… thuộc xã…… (đạt/không đạt)…… yêu cầu theo tiêu chí Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố (tiêu chí số 6.2).

Biên bản kết thúc vào .... giờ .... phút cùng ngày, được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, các thành viên tham gia kiểm tra cùng thống nhất ký tên để làm cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

Các thành viên tham gia kiểm tra

Đại diện Ban Phát triển thôn	**Đại diện chính quyền thôn**
(Ký tên và đóng dấu)	(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục

TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ 1.1, BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Công văn số ...../SXD-KCHT ngày ...../……/2026 của Sở Xây dựng)

TT	Tuyến đường	Chiều dài *(km)*	Bề rộng nền đường *(m)*	Bề rộng mặt đường *(m)*	Kết cấu mặt đường *(km)*		Tỷ lệ % cứng hóa	Tỷ lệ % chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường	Kết quả đánh giá
					BTXM, nhựa	Đất			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
I. Đường xã									
1	Tuyến ….								
2	Tuyến …								
…									
II. Đường thôn, ngõ, xóm									
1	Tuyến ….								
2	Tuyến …								
…									

Ghi chú:

- Cột: 8=6/3*100 *(có hình ảnh hoặc hồ sơ chứng minh)*.
- Cột 9: Căn cứ hiện trạng thực tế để đánh giá đạt (ký hiệu Đ) hay không đạt (ký hiệu K); *(có hình ảnh hoặc hồ sơ chứng minh)*.
- Đối với các tuyến đường xã: Chỉ đánh giá đối với nội dung về tỷ lệ % chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường.
- Đối với các tuyến đường thôn, ngõ, xóm: Không đánh giá đối với nội dung về tỷ lệ % chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường.
- Cột 10: Đối chiếu với quy định tại Quyết định số 158/2026/QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND tỉnh để đánh giá đạt hay không đạt.